BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO MÙA

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI, SỬ DỤNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÙNG ĐBSCL, NĂM 2026

(Vụ Đông Xuân 2026-2027)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hiện nay, thượng nguồn lưu vực sông Mê Công đang bước vào thời kỳ lũ rút, trong khi đó mực nước ở các trạm đầu nguồn ĐBSCL và mực nước Biển hồ đang tăng và có xu thế đạt đỉnh trong năm. Nguồn nước về Đồng bằng liên quan mật thiết đến các yếu tố: lượng trữ ở Biển hồ - TonleSap; lượng trữ ở các hồ chứa thượng lưu và nguồn nước trên dòng chính sông Mê Công. Các thông tin này được cập nhật dưới đây đến ngày 29/9/2026.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1) ở cao trình 7,39m và đang có xu thế giảm; hồ hiện đang trong giai đoạn tích nước, mực nước hồ hiện cao hơn so với trung bình nhiều năm 0,27m.

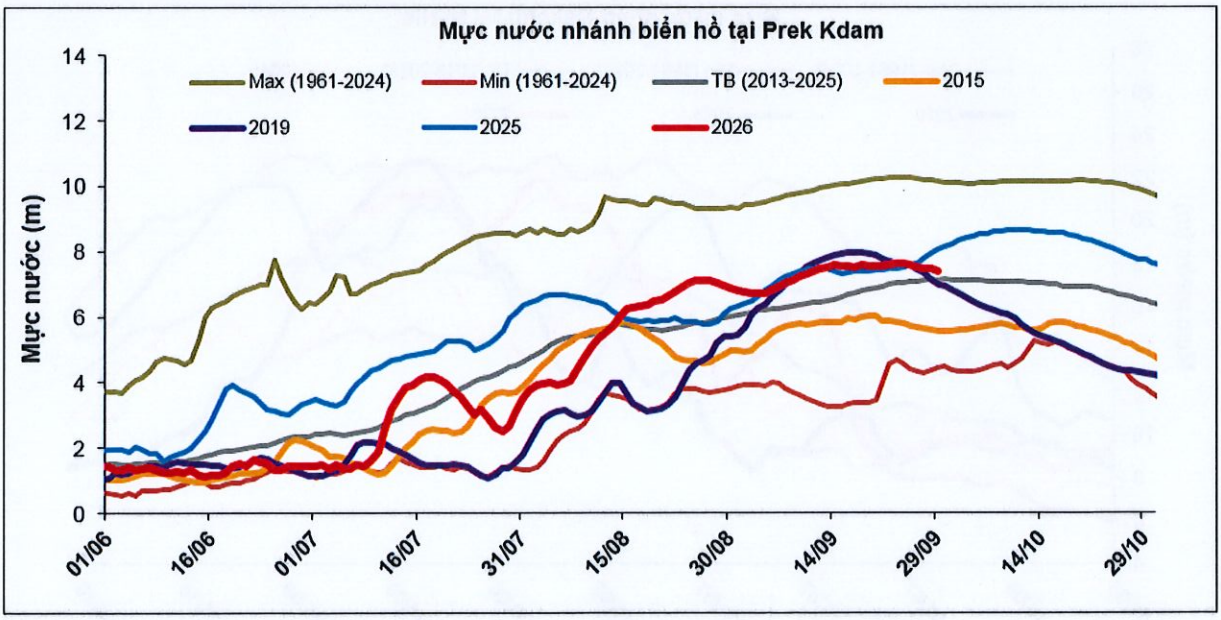

Hình 1: Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ

Dung tích hồ hiện hữu khoảng 43,1 tỷ m^3, cao hơn so với cùng thời kỳ TBNN khoảng 6,12 tỷ m^3, cao hơn năm 2015 và 2019 lần lượt là 8,74 tỷ m^3 và 30,28 tỷ m^3, tuy nhiên thấp hơn năm 2025 khoảng 2,05 tỷ m^3.

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Diễn biến mực nước đến ngày 29/9/2026 tại trạm Chiang Saen và Kratie trên dòng chính sông Mê Công được đưa ra ở Hình 2 và Hình 3. Từ biểu đồ cho thấy, dòng chảy gần cuối mùa lũ đang giảm nhanh và thấp hơn TBNN.

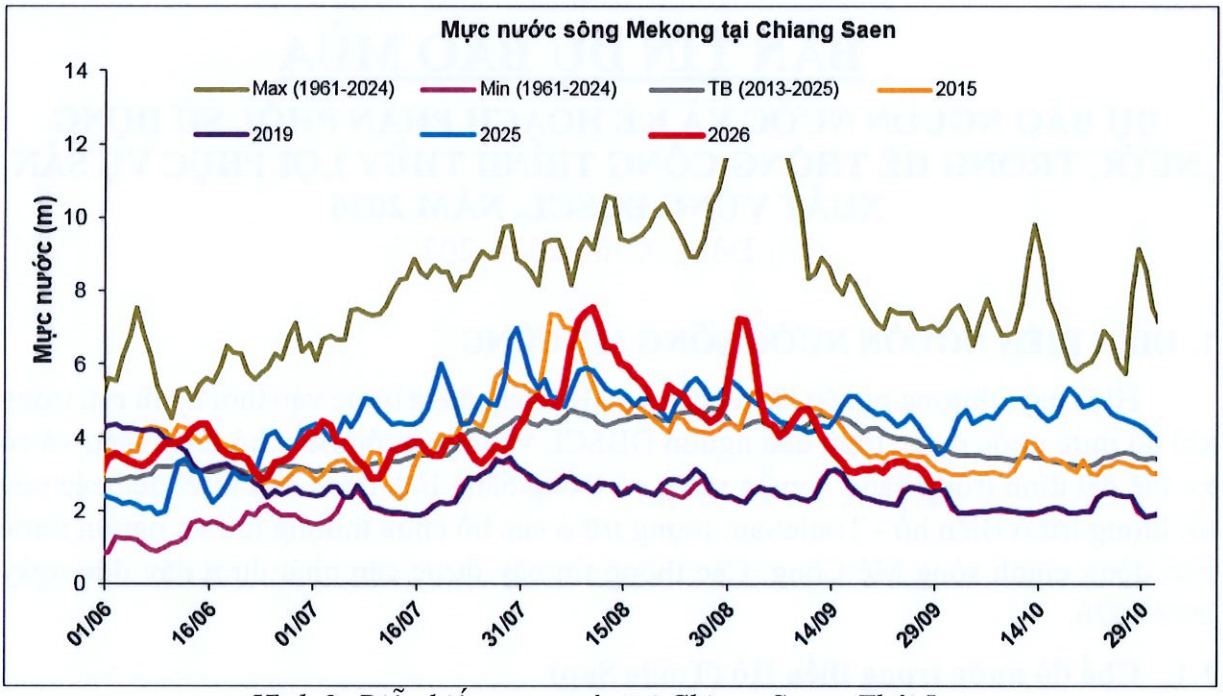

Hình 2: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan

- Mực nước tại trạm Chiang Sean *(Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km)* hiện tại ở mức 2,71m, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 1,03m.

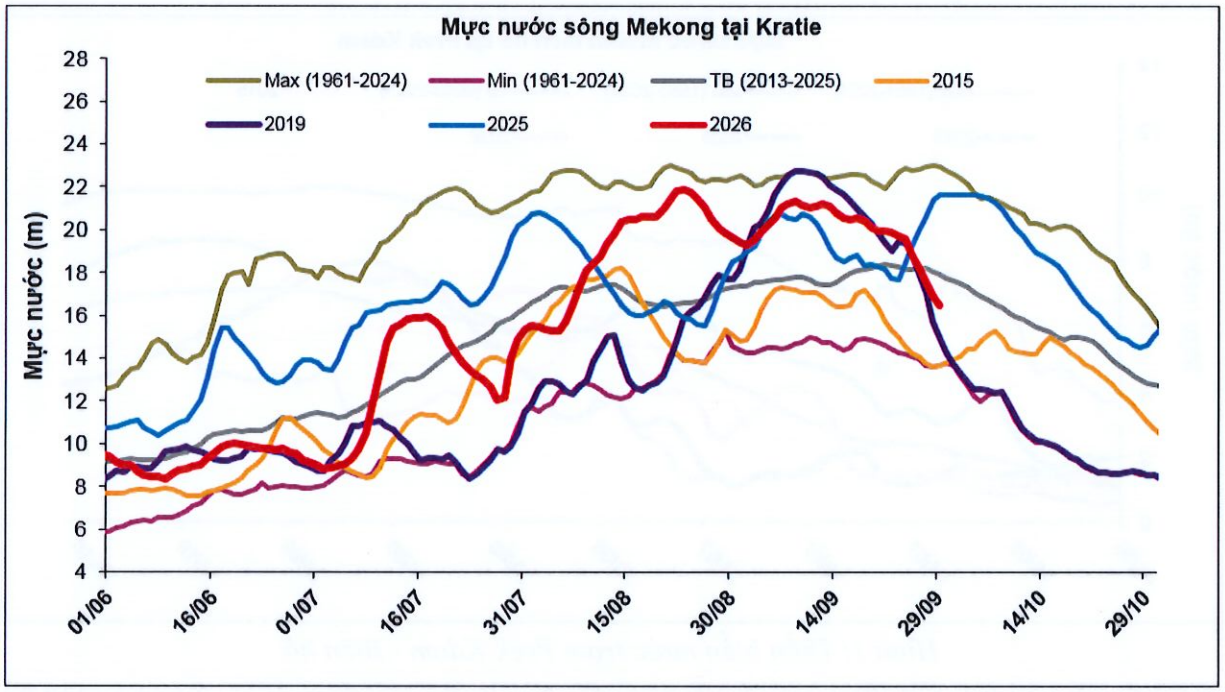

Hình 3: Diễn biến nước về qua trạm Kratie

- Tại trạm Kratie *(đầu châu thổ Mê Công)*, mực nước hiện tại là 16,46m, thấp hơn so với cùng kỳ TBNN khoảng 1,44m, thấp hơn khoảng 5,15m so với năm 2025.

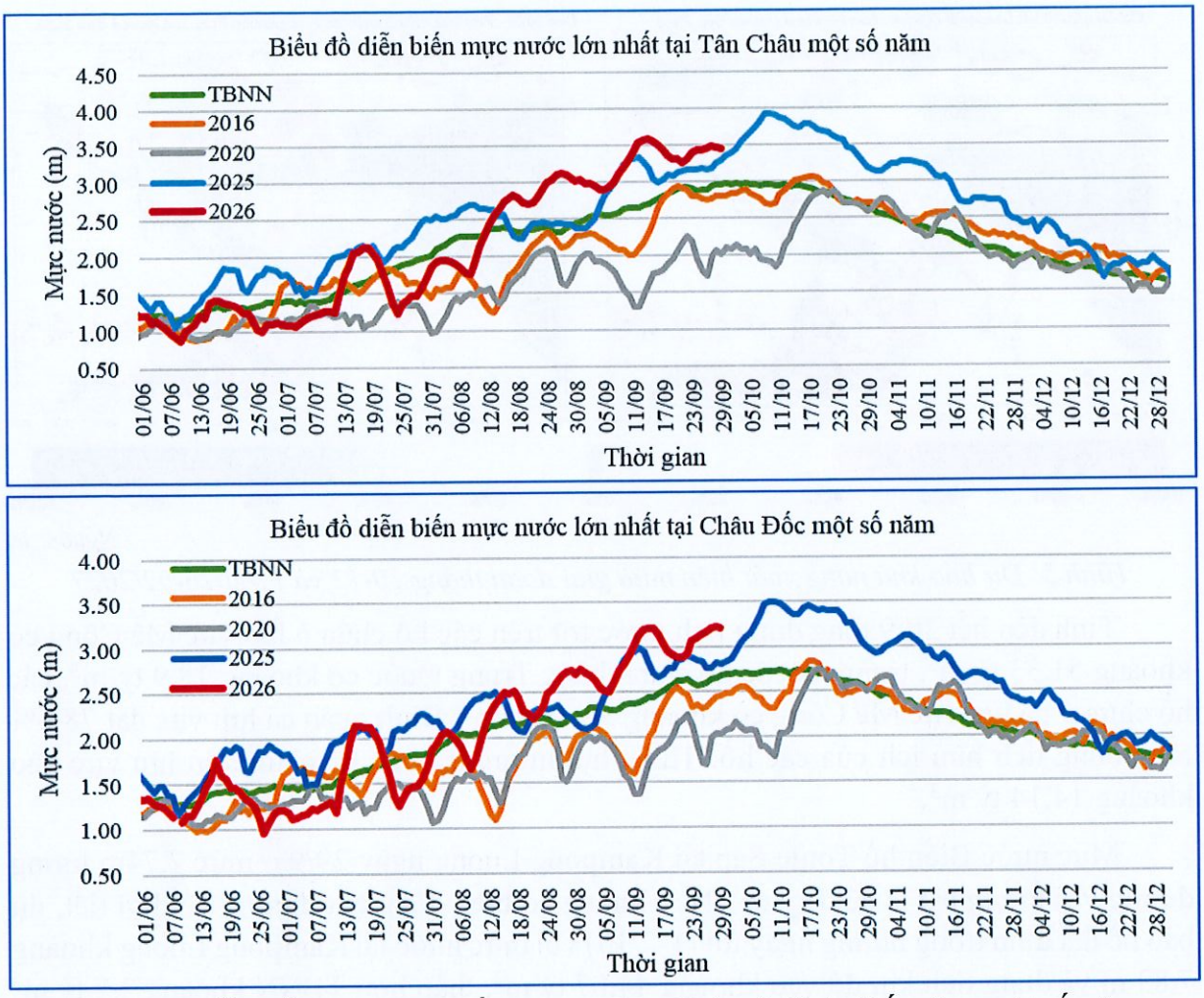

Hình 4: Diễn biến nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc cùng một số năm

- Mực nước lớn nhất đầu nguồn đồng bằng hiện cao hơn so với bình quân nhiều năm từ 2010 đến nay khoảng 0,53m đến 0,48m tại Châu Đốc và Tân Châu.

1.3. Dự báo mưa và trữ nước ở các hồ chứa thượng nguồn

Theo số liệu cập nhật của NOAA, điều kiện khí hậu giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 10/2026 ESNO ở trạng thái El Niño vẫn hoạt động ở xác suất 100% và kéo dài đến giai đoạn tháng 01-03/2027. Sau đó El Niño sẽ suy giảm dần và ENSO trung tính sẽ chiếm xu thế, giai đoạn tháng 4-6/2027 xác suất xuất hiện El Niño còn 43% và ENSO trung tính ở mức 55%.

Thông tin dự báo mưa được thu thập từ các tổ chức dự báo toàn cầu cho thấy sự thiếu hụt mưa trên lưu vực Mê Công từ tháng 10 đến tháng 12/2026 từ 40-60% so với TBNN; giai đoạn từ tháng 12/2026 đến tháng 02/2027 lượng mưa bằng hoặc thấp hơn TBNN đến 40-50%. Sự thiếu hụt mưa trên lưu vực vào cuối mùa lũ gây ra nhiều hệ quả nghiêm trọng liên quan đến suy giảm dòng chảy về hạ lưu nhanh, thoát nước nhanh từ biển hồ - Tonle Sap làm giảm hiệu quả điều tiết từ hồ Tonle Sap cấp cho Đồng bằng vào mùa khô 2026-2027 và có thể làm mặn xuất hiện sớm trên đồng bằng.

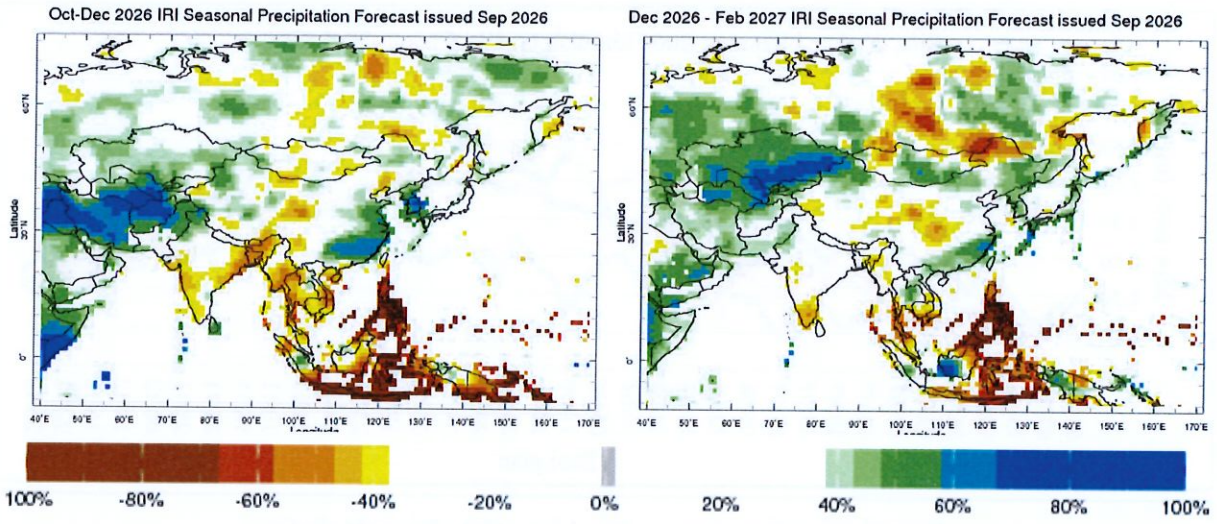

Nguồn: iri

Hình 5: Dự báo khả năng xuất hiện mưa giai đoạn tháng 10-12 và 12/2026-02/2027

Tính đến hết 30/9 tổng dung tích nước trữ trên các hồ chứa ở lưu vực Mê Công có khoảng 51,33 tỷ m^3, trong đó các hồ chứa thuộc Trung Quốc có khoảng 18,9 tỷ m^3, các hồ chứa ở hạ lưu vực Mê Công có khoảng 32,43 tỷ m^3. Bình quân cả lưu vực đạt 78,4% tổng dung tích hữu ích của các hồ. Thiếu hụt lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực vào khoảng 14,14 tỷ m^3.

Mực nước Biển hồ Tonle Sap tại Kampong Luong ngày 29/9 ở mức 7,74m tương đương với lượng trữ là 43,1 tỷ m^3. Nếu không có biến động bất thường về thời tiết, dự báo hồ đạt đỉnh trong những ngày tới (1-2/10) với mức nước tại Kampong Luong khoảng 7,83 m và dung tích khi đó vào khoảng 44,07 tỷ m^3, thấp hơn TBNN khoảng 2,7 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2019-2020 khoảng 6,5 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2015-2016 khoảng 18,05 tỷ m^3. Biển hồ Tonle Sap đạt đỉnh cùng với thời kỳ ở năm 2019-2020 và sớm hơn TBNN khoảng 20 ngày. Hồ đạt đỉnh sớm đồng nghĩa hồ sẽ rút nước nhanh làm mất hiệu quả điều tiết trong mùa kiệt.

1.4. Nhận định nguồn nước phục vụ chỉ đạo xuống giống vụ Đông Xuân 2026-2027

Ngoài yếu tố lượng nước thượng nguồn đổ về, mực nước ở ĐBSCL chịu tác động bởi thủy triều Biển Đông và Biển Tây. Theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia (ngày 15/9/2026), khu vực Nam Bộ, trong tháng 10/2026 còn khả năng xuất hiện mưa vừa, mưa to; dự báo mưa từ tháng 11/2026 phổ biến thấp hơn TBNN từ 5-15%, và có khả năng kết thúc sớm.

Không có biến động bất thường, nhận định lũ chính vụ ở các trạm đầu nguồn năm 2026 tại Tân Châu và Châu Đốc xuất hiện trong thời gian từ 28/9-1/10 ở mức báo động cấp I, cụ thể: Mực nước đỉnh lũ chính vụ năm 2026 trên sông Cửu Long đạt từ 3,49m±0,1m tại Tân Châu *(thấp hơn đỉnh lũ đã đạt 3,59m ngày 14/9/2026)*; đạt khoảng 3,22m±0,1m tại trạm Châu Đốc *(xấp xỉ đỉnh lũ đã đạt ngày 13/9/2026)*. Cùng thời kỳ lũ đạt đỉnh tại Tân Châu và Châu đốc, mực nước cao nhất tại Cần Thơ đạt 2,24m và Mỹ Thuận đạt 2,08m. Khu vực trung tâm đồng bằng, mực nước cao nhất dự báo sẽ xuất hiện lặp lại vào kỳ triều cường ngày 27-30 tháng 10 năm 2026, mực nước cao nhất dự báo đạt khoảng 2,25- 2,30m tại Cần Thơ, tại trạm Mỹ Thuận đạt khoảng 2,10-2,15m và lặp lại cao ở kỳ 25-27/11 nhưng ở mức độ thấp hơn 5-10cm.

- Về thời gian xuất hiện và diễn biến của lũ nội đồng:

+ Vùng Thượng: Đỉnh lũ năm 2026 phổ biến ở mức xấp xỉ mức BĐI, một số trạm dưới mức BĐI. Riêng trạm Long Xuyên tỉnh An Giang mực nước xấp xỉ và trên mức BĐIII. Thời gian đạt đỉnh phổ biến cùng thời gian xuất hiện đỉnh lũ tại Tân Châu và Châu Đốc, một số trạm trễ hơn khoảng 5-7 ngày.

+ Vùng Giữa: Đỉnh lũ năm 2026 phổ biến trên mức BĐIII, một số trạm từ BĐII-BĐIII, Đặc biệt chú ý, thời gian đạt đỉnh phổ biến rơi vào thời kỳ triều cường cao nhất 27-30/10/2026, và 25-27/11/2026.

+ Vùng Ven Biển: Đỉnh mực nước lớn nhất năm 2026 các trạm phổ biến trên mức BĐIII, một số trạm từ BĐII-BĐIII, thời gian đạt đỉnh phổ biến rơi vào thời kỳ triều cường cao nhất các ngày 27-30/10/2026, và 25-27/11/2026.

- Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

Đỉnh lũ chính vụ kết hợp triều cường năm 2026 được dự báo ở mức cao nên nhiều ô bao kiểm soát lũ cả năm có nguy cơ bị ảnh hưởng, đặc biệt là khu vực vùng giữa ĐBSCL. Cụ thể, mức đảm bảo của hệ thống ô bao bờ bao kiểm soát lũ cả năm ứng với mức lũ chính vụ 3,70 m tại Tân Châu kết hợp đỉnh triều 2026 cho thấy, có khoảng 196 ô bao có nguy cơ bị ảnh hưởng, với tổng diện tích khoảng 42.483 ha. Trong đó, TP. Cần Thơ bị ảnh hưởng nhiều nhất, khoảng 141 ô bao với tổng diện tích 25.608 ha, tỉnh bị ảnh hưởng ít nhất là tỉnh Tây Ninh có 1 ô bao với diện tích 4.032 ha.

Lũ thấp lượng phù sa sẽ không nhiều; dự báo ảnh hưởng của El Nino mạnh đến rất mạnh, vì vậy các địa phương nên tranh thủ xả lũ để nâng cao mực nước ngầm, tăng cường trữ nước và vệ sinh đồng ruộng để chủ động ứng phó với hạn mặn mùa khô 2026-2027.

2. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ NĂM 2026-2027 VỀ ĐBSCL

Tính đến thời điểm 30/9/2026, tổng dung tích trữ có thể điều tiết được ở các hồ chứa thượng lưu đạt 51,33 tỷ m^3, đạt 78,4% tổng dung tích hữu ích các hồ. Dung tích lớn nhất trong năm ở biển hồ Tonle Sap dự báo khoảng 44,07 tỷ m^3, thấp hơn so với TBNN khoảng 2,7 tỷ m^3.

Dự báo, lưu lượng trung bình tại Kratie giai đoạn tháng 11/2026-01/2027 đạt khoảng 4.712 m^3/s, thấp hơn TBNN khoảng 24,7% và thấp hơn thời kỳ năm 2025-2026 khoảng 53,3%. Vào thời kỳ nửa cuối mùa khô 2026-2027 (từ tháng 2-5/2027), lưu lượng trung bình đạt khoảng 3.089 m^3/s, thấp hơn TBNN khoảng 20,3% và thấp hơn thời kỳ năm 2025-2026 khoảng 31,9%. Dự báo dòng chảy về đồng bằng là xấp xỉ so với điều kiện 2015-2016. Trong trường hợp xấu, El Nino rất mạnh đến siêu mạnh làm nước bốc hơi nhanh, nhu cầu nước tăng cao, lượng nước về có giai đoạn có thể giảm xuống đến mức xấp xỉ 2019-2020.

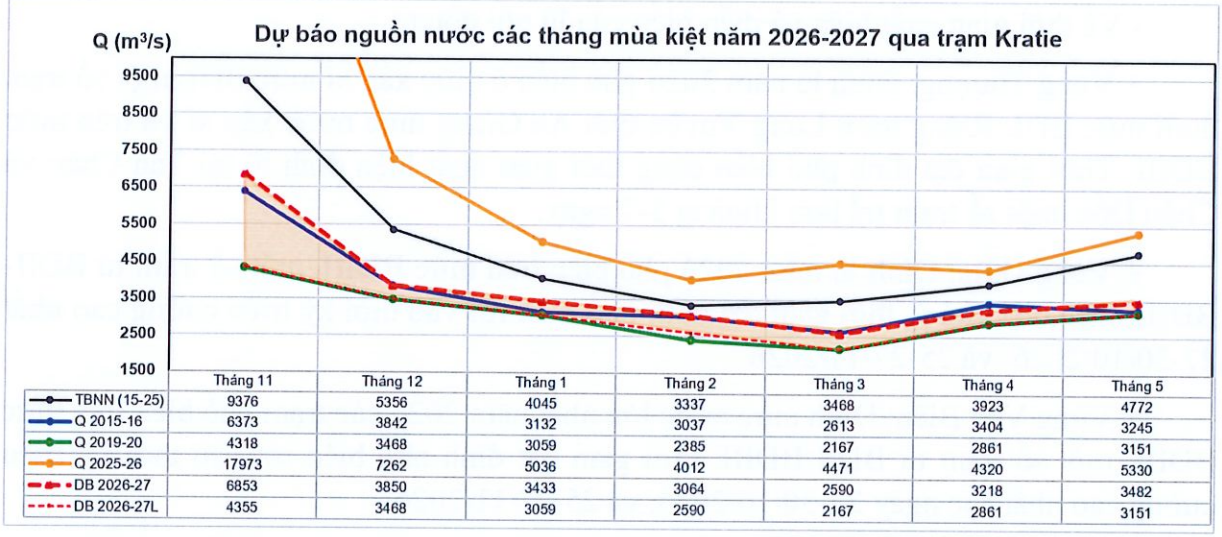

	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
TBNN (15-25)	9376	5356	4045	3337	3468	3923	4772
Q 2015-16	6373	3842	3132	3037	2613	3404	3245
Q 2019-20	4318	3468	3059	2385	2167	2861	3151
Q 2025-26	17973	7262	5036	4012	4471	4320	5330
DB 2026-27	6853	3850	3433	3064	2590	3218	3482
DB 2026-27L	4355	3468	3059	2590	2167	2861	3151

Hình 6: Dự báo kịch bản nguồn nước về ĐBSCL qua trạm Kratie năm 2026-2027

3. KHUYẾN NGHỊ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2026-2027

Dự báo khả năng xâm nhập mặn ở ĐBSCL mùa khô 2026-2027 ở mức cao hơn TBNN (2013-2026), cao hơn mùa khô những năm gần đây và 2025-2026. Cụ thể:

- Vùng các cửa sông Cửu Long:

  - Tháng 12/2026, ranh mặn 4 g/lít ở mức 30-40 km, bắt đầu ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi các biển từ 35-45km trong kỳ triều cường cuối tháng 12/2026.
  - Tháng 1, 2/2027, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 50-65 km, cao hơn TBNN từ 4-8km, so với năm 2026 cao hơn 14-17km, so với năm 2020 thấp hơn 10-25km, so với năm 2016 ở mức tương đương.
  - Tháng 3/2027, trong nửa đầu tháng 3/2027, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 55-70 km, cao hơn TBNN từ 9-13km, so với năm 2026 cao hơn 7-15km, so với năm 2020 thấp hơn 10-20km, so với năm 2016 cao 1-2km. Giai đoạn nửa cuối tháng 3/2027 tùy thuộc vào lượng nước điều tiết từ các hồ chứa ở thượng nguồn sông Mê Công, trường hợp nguồn nước tăng như một số năm gần đây, xâm nhập mặn sẽ giảm; trường hợp nguồn nước không tăng, xâm nhập mặn tiếp tục ở mức như tháng 2/2027.

- Vùng hai sông Vàm Cỏ

  - Tháng 12/2026: ranh mặn 4 g/l ở mức 40-45 km, bắt đầu ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi cách biển từ 45-50km giai đoạn cuối tháng 12/2026.
  - Tháng 1-2/2027, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 80-85 km, so với TBNN cao hơn 12-16km, so với năm 2026 cao hơn 18-25km, so với năm 2020 thấp hơn 5-15km, so với năm 2016 thấp hơn 3-5km.
  - Tháng 3,4/2027, ranh mặn 4g/l có thể lên đến 100-125 km, cao hơn 20-36 km so với TBNN, so với năm 2026 cao hơn 37-57km, so với năm 2020 thấp hơn 10-15 km, so với năm 2016 thấp hơn 2-3km.
  - Tháng 5/2027, tùy thuộc vào tình hình mưa, nếu có xuất hiện mưa sớm thì xâm nhập mặn giảm dần.

- Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn: Xâm nhập mặn có nguy cơ vượt qua các điểm khống chế vận hành từ tháng 2/2027, cao điểm xâm nhập mặn trong tháng 3 đến tháng 5/2027. Cống Cái Lớn – Cái Bé cần thiết phải vận hành sớm ngay từ tháng 1-2/2027 để kiểm soát xâm nhập mặn.

Dự báo, khả năng nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm ít nước, xấp xỉ như ở năm 2015-2016, có thời kỳ như 2019-2020; xâm nhập mặn cũng ở mức cao hơn TBNN phổ biến 5-15 km trên các cửa sông Cửu Long và cao hơn 12-36 km trên các sông Vàm Cỏ. Để đảm bảo an toàn cho sản xuất, các giải pháp ứng phó phục vụ sản xuất, các địa phương có thể tham chiếu tương tự như đã áp dụng thành công ở năm 2019-2020, cụ thể, một số điểm quan trọng cần quan tâm:

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến thông tin qua các phương tiện, bảo đảm kịp thời đến người dân và tổ chức liên quan để chủ động công tác ứng phó.

- Xây dựng cơ cấu sản xuất phù hợp, bố trí thời vụ sản xuất, giải pháp và sử dụng nước hợp lý. Xuống giống sớm vụ Đông Xuân 2026-2027, hoàn thành trong tháng 12, chậm nhất 10/1/2027.

- Các khu vực Ven Biển thực hiện đắp đập tạm, nạo vét kênh sớm trong mùa mưa này để tích trữ nước, điều tiết hợp lý cho sản xuất.

- Các HTTL khép kín như Gò Công, Nam Mang Thít, Nhật Tảo – Tân Trụ, Long Phú – Tiếp Nhật cần phải theo dõi chặt chẽ diễn biến mặn, đóng các cửa cống từ phía biển lên thượng lưu từ tháng 11/2026 – sau khi lũ rút; tăng cường nạo vét kênh mương nâng cao khả năng trữ và điều tiết nguồn nước.

- Khu vực thiếu nước do ảnh hưởng xâm nhập mặn, chủ động trữ nước sớm từ mùa lũ, hoàn thành tích nước trước tháng 11/2026, tích nước bổ sung ngay khi có thể.

- Vùng HTTL Quản Lộ Phụng Hiệp, Cái Lớn – Cái Bé: phối hợp vận hành đồng bộ Hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé với các hệ thống thủy lợi thuộc quản lý của tỉnh Cà Mau và An Giang.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo, cập nhật kịch bản nguồn nước, xâm nhập mặn của cơ quan chuyên môn dự báo khí tượng thủy văn, dự báo chuyên ngành thủy lợi để làm cơ sở tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình nguồn nước và tổ chức các giải pháp ứng phó phù hợp với từng khu vực cụ thể.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước mùa khô năm 2026-2027 thuộc nhóm năm ít nước, khả năng thiếu nước cho sản xuất có thể làm ảnh hưởng đến các vụ sản xuất lúa – tôm và diện tích lúa Đông Xuân năm 2026-2027. Vì vậy, các địa phương cần có kế hoạch chủ động xả lũ, nâng cao đầu nước và tích trữ nước sớm đảm bảo hoàn thành việc trữ nước từ trước tháng 11/2026, xây dựng kế hoạch vận hành hệ thống công trình hợp lý, chuẩn bị các giải pháp ứng phó ngay từ đầu mùa khô, bố trí sản xuất sớm, hoàn thành trước 10/1/2027. Đồng thời tăng cường công tác giám sát độ mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

Thông tin dự báo mùa tiếp tục được cập nhật khi có thay đổi đáng kể về nguồn nước với độ tin cậy hơn để phục vụ các địa phương chủ động các giải pháp đảm bảo an

toàn cho sản xuất, xây dựng kế hoạch vận hành các cửa cống. Các địa phương thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo nguồn nước do các đơn vị khoa học thuộc Bộ cung cấp.

VIỆN KHOA HỌC THUỶ LỢI MIỀN NAM
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC THUỶ LỢI MIỀN NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Tô Văn Thanh